Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4504.90.00

Mã HS	4504.90.00
Mô tả hàng hóa	Lie kết dính (có hoặc không có chất gắn) và các sản phẩm bằng lie kết dính / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 21:42:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/45049000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7180
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7180
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7180
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6955
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6910
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6910
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6910
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6910
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6910
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6910
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E6960
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6960

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6960
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6960
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6960
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6960
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E6962
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F6962
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6962
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6962
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6962
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6962
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6962
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6916
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6918
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6918
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6918
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6918
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6918
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6918
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6938
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6938
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6938
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6938
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6938
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6938
VCFTA	2022	2022	4	VC!D6993
VCFTA	2023	2023	2	VC!E6993

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6993
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6993
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6993
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6993
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D6973
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E6973
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F6973
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6973
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6973
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6973
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D6981
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E6981
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F6981
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G6981
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H6981
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6981
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D6974
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E6974
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F6974
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6974
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6974
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6974
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D6975
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E6975
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F6975
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6975

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6975
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6975
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6941
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6941
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6941
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6941
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6941
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6941
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6941
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6975
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6975
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6975
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6975
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6975
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6975
RCEP B	2022	2022	0	B!D6975
RCEP B	2023	2023	0	B!E6975
RCEP B	2024	2024	0	B!F6975
RCEP B	2025	2025	0	B!G6975
RCEP B	2026	2026	0	B!H6975
RCEP B	2027	2027	0	B!I6975
RCEP C	2022	2022	0	C!D6975
RCEP C	2023	2023	0	C!E6975
RCEP C	2024	2024	0	C!F6975
RCEP C	2025	2025	0	C!G6975
RCEP C	2026	2026	0	C!H6975

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6975
RCEP D	2022	2022	0	D!D6975
RCEP D	2023	2023	0	D!E6975
RCEP D	2024	2024	0	D!F6975
RCEP D	2025	2025	0	D!G6975
RCEP D	2026	2026	0	D!H6975
RCEP D	2027	2027	0	D!I6975
RCEP E	2022	2022	0	E!D6978
RCEP E	2023	2023	0	E!E6978
RCEP E	2024	2024	0	E!F6978
RCEP E	2025	2025	0	E!G6978
RCEP E	2026	2026	0	E!H6978
RCEP E	2027	2027	0	E!I6978
RCEP F	2022	2022	0	F!D6975
RCEP F	2023	2023	0	F!E6975
RCEP F	2024	2024	0	F!F6975
RCEP F	2025	2025	0	F!G6975
RCEP F	2026	2026	0	F!H6975
RCEP F	2027	2027	0	F!I6975
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F6446
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G6446
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H6446
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I6446

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4504.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4504.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7180), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.